TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH61700217	Trần Ngọc Kim	Châu	D17_TP01																						4.00	4.76		3.83	4.22	2.45	5.16	4.97	76/108	35/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
2	DH61701401	Huỳnh Khánh	Chúc	D17_TP01																						4.25	4.00	4.43	5.64	5.05	6.00	5.65	5.54	96/108	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
3	DH61700014	Trương Chí	Cường	D17_TP01																						4.40	2.88		4.32	3.59		0.43	3.18	40/108	21/46	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
4	DH61700446	Phan Thị	Đẹp	D17_TP01																						5.70	6.04	7.00	5.68	5.90	5.50	5.42	6.06	98/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
5	DH61700250	Nguyễn Trần Ngân	Liên	D17_TP01																						4.35	3.92	3.43	4.84	2.05		0.00	3.17	36/108	19/46	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
6	DH61700474	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	D17_TP01																						4.10	1.48		2.82	3.14		0.00	2.31	22/108	13/46	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
7	DH61700126	Hứa Gia	Mẫn	D17_TP01																						5.20	5.20	4.17	4.86	5.79	6.00	5.21	5.58	94/108	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
8	DH61700500	Lê Phước Thảo	My	D17_TP01																						3.35	1.88		3.27	3.73		0.00	2.48	28/108	14/46	CB_BTH_2	NoHP	KoDKMH	BTH	DH17
9	DH61700598	Lê Thị Kim	Ngân	D17_TP01																						5.25	5.80	5.43	5.20	5.40	6.00	4.70	5.58	93/108	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
10	DH61700254	Nguyễn Thanh	Ngân	D17_TP01																						5.60	4.44	5.00	5.05	5.39	6.00	4.58	5.29	80/108	36/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
11	DH61701135	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	D17_TP01																						4.15	3.48	1.14	1.53	1.84		0.00	2.27	26/108	14/46	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
12	DH61700299	Nguyễn Thanh	Như	D17_TP01																						5.75	6.48	6.00	5.59	5.84		5.08	5.88	98/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
13	DH61700415	Phạm Tấn	Phong	D17_TP01																						4.00	1.76		3.59	3.09		0.20	2.56	25/108	14/46	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
14	DH61702915	Trần Thanh	Phong	D17_TP01																						4.40	3.32		3.82	3.09		3.11	3.57	49/108	24/46	CB_BTH_1	KoNoHP	DKMH	CB_BTH	DH17
15	DH61701134	Nguyễn Chí	Phúc	D17_TP01																						4.95	2.72	0.00	5.14	4.70	1.00	5.59	4.85	73/108	33/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
16	DH61701057	Võ Thị Thảo	Sương	D17_TP01																						6.10	7.32		6.09	5.84		6.41	6.40	104/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
17	DH61700356	Nguyễn Thiên	Tân	D17_TP01																						4.50	3.76	5.00	4.68	4.52		1.57	4.00	52/108	26/46	CCHV_2	NoHP	DKMH	DC	DH17
18	DH61700288	Dư Thị Phương	Thảo	D17_TP01																						6.05	6.60		5.32	5.58		5.83	6.02	96/108	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
19	DH61700929	Nguyễn Đỗ Đình	Thiện	D17_TP01																						1.90	0.24		0.54	0.32	1.82	4.44	1.82	21/108	13/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
20	DH61700404	Hồ Ngọc Minh	Thơ	D17_TP01																						4.65	3.00	2.29	1.63	4.52		4.30	3.73	45/108	25/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
21	DH61700060	Dư Thị Ngọc	Trâm	D17_TP01																						5.50	4.12	4.43	4.63	4.96	4.00	4.39	5.02	63/108	32/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
22	DH61700459	Vũ Thị Yến	Trâm	D17_TP01																						5.60	6.56	7.00	5.59	5.26		6.19	6.11	100/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
23	DH61701149	Phạm Trần Quốc	Bảo	D17_TP02																						4.30	4.24	3.14	4.59	3.68	3.33	4.50	4.66	73/108	34/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
24	DH61701433	Trần Thị Diễm	Châu	D17_TP02																						6.20	5.80	7.00	5.32	5.30		5.68	5.92	97/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
25	DH61701953	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	D17_TP02																						5.80	5.64	6.00	5.27	5.21	6.00	5.61	5.82	98/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
26	DH61701899	Đỗ Minh	Duy	D17_TP02																						5.30	4.88	6.00	4.95	4.24	6.00	4.50	5.20	83/108	37/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
27	DH61702761	Hồ Thị	Duyên	D17_TP02																						4.95	5.40	0.00	4.88	5.21	7.14	5.25	5.69	102/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
28	DH61701906	Phan Nguyễn Phương	Giang	D17_TP02																						6.85	5.48		5.27	3.87		4.52	5.35	72/108	34/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
29	DH61701258	Huỳnh Lê Ngọc	Hân	D17_TP02																						5.50	5.04	0.00	5.45	4.65	6.00	5.42	5.46	95/108	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
30	DH61702336	Phạm Ngọc	Hân	D17_TP02																						6.45	6.96		6.14	6.79		6.23	6.52	107/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
31	DH61705240	Trần Thị Ngọc	Hân	D17_TP02																						5.65	5.64	4.00	5.32	5.05	8.00	5.30	5.64	90/108	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
32	DH61702460	Phạm Hữu	Hiệp	D17_TP02																						6.30	4.60	6.00	5.14	5.10	6.00	5.27	5.65	85/108	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
33	DH61703399	Thái Trần Chí	Hiếu	D17_TP02																						5.90	5.56	6.00	5.41	6.32		6.27	6.07	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
34	DH61700720	Trần Chí	Hiếu	D17_TP02																						4.85	3.24		4.53	4.52		4.17	4.30	54/108	28/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
35	DH61700673	Văn Thắng	Hòa	D17_TP02																						5.20	5.24	4.00	5.73	5.43	4.00	6.04	5.71	92/108	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
36	DH61701897	Nguyễn Thanh	Hoàng	D17_TP02																						5.55	6.08	4.00	5.27	5.57	6.00	6.14	5.87	97/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
37	DH61701669	Trần Trung	Kiên	D17_TP02																						5.35	2.92		1.00	1.95		5.06	3.69	51/108	25/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
38	DH61702231	Nguyễn Thị Yến	Linh	D17_TP02																						6.65	7.12		5.95	5.95		5.76	6.36	101/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
39	DH61701201	Nguyễn Thị Hà	My	D17_TP02																						5.90	6.20	7.00	5.64	5.84	7.00	6.55	6.26	102/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
40	DH61702347	Lê Thị ái	Quyên	D17_TP02																						5.15	5.72	7.00	5.48	5.16	7.00	5.04	5.72	95/108	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
41	DH61701607	Lê Thị Thanh	Thảo	D17_TP02																						6.15	6.08		6.23	6.16		5.88	6.15	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
42	DH61701071	Nguyễn Minh	Thuận	D17_TP02																						5.55	5.16	3.00	5.32	5.86	4.00	5.90	5.81	93/108	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
43	DH61704937	Bùi Nguyễn Anh	Thư	D17_TP02																						6.50	6.68	8.00	6.14	6.37		6.12	6.54	105/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
44	DH61701845	Trịnh Cung	Tiến	D17_TP02																						5.30	5.04	6.00	5.13	5.11		4.89	5.29	93/108	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
45	DH61701828	Lê Quang	Toàn	D17_TP02																						5.55	5.56	6.00	5.09	5.26	6.00	5.75	5.81	95/108	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
46	DH61701383	Huỳnh Huyền	Trâm	D17_TP02																						5.15	5.80	7.00	5.55	5.47	9.00	6.10	6.22	99/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
47	DH61701396	Lê Thị Ngọc	Tú	D17_TP02																						6.75	7.08		6.64	6.32		6.00	6.63	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
48	DH61705220	Đinh Quý	Vinh	D17_TP02																						5.90	5.64	5.00	5.45	5.29		5.07	5.65	85/108	39/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
49	DH61703060	Nguyễn Mỹ Thu	An	D17_TP03																						5.85	6.32		5.91	6.37	9.00	5.69	6.31	106/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
50	DH61703114	Phan Thiên	Ân	D17_TP03																						5.90	4.48		4.91	4.42		4.61	5.08	77/108	34/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
51	DH61702886	Hà Tôn	Bảo	D17_TP03																						5.40	4.92		5.55	5.26	5.00	5.28	5.46	94/108	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
52	DH61702309	Lê Trần Mị	Duyên	D17_TP03																						5.65	6.00		5.73	6.16	6.00	5.21	5.97	100/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
53	DH61702488	Võ Anh	Đài	D17_TP03																						6.85	6.12		5.41	5.37		5.48	5.94	102/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
54	DH61704989	Trần Phương	Giao	D17_TP03																						7.70	8.16		7.68	8.05		7.27	7.78	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
55	DH61700403	Trần Bảo	Khang	D17_TP03																						5.95	5.32	0.00	4.91	4.89		4.45	5.25	76/108	36/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
56	DH61703568	Lê Duy	Khoa	D17_TP03																						5.20	4.20		4.60	5.39	4.00	4.55	5.12	79/108	36/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
57	DH61703009	Nguyễn Chí	Linh	D17_TP03																						5.00	4.36	6.00	5.23	4.81	3.71	4.79	5.22	83/108	37/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
58	DH61702871	Trần Bảo	Lộc	D17_TP03																						6.15	5.80		5.50	6.09		5.76	6.04	103/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
59	DH61703761	Hàng ái	Ngân	D17_TP03																						6.75	6.48		5.55	6.58		6.00	6.31	100/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
60	DH61702816	Lâm Mỹ	Ngọc	D17_TP03																						5.75	5.72	5.29	6.36	6.48	7.50	5.65	6.54	106/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
61	DH61703858	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	D17_TP03																						7.85	7.72		7.23	7.37		6.59	7.35	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
62	DH61703870	Trần Thị Yến	Nhi	D17_TP03																						5.35	5.84	6.00	5.95	5.95		5.62	6.00	101/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
63	DH61704090	Nguyễn Minh	Tài	D17_TP03																						6.70	7.64		6.59	6.68		6.32	6.81	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
64	DH61702254	Trần Trương	Thảo	D17_TP03																						6.10	5.84		6.14	6.32	7.00	5.00	5.97	90/108	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
65	DH61702240	Nguyễn Thị Kim	Tho	D17_TP03																						6.15	6.44	8.00	5.41	6.33		5.61	6.31	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
66	DH61702574	Lê Thị Anh	Thư	D17_TP03																						7.20	6.84		7.00	7.11		6.23	6.86	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
67	DH61704266	Tống Trần Thiên	Thương	D17_TP03																						4.20	4.68		4.09	3.79		3.66	4.19	57/108	29/46	CCHV_2	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH17
68	DH61704288	Đặng Quốc	Tín	D17_TP03																						6.45	6.40		5.68	5.58		5.39	5.99	100/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
69	DH61701958	Lê Quyền	Trang	D17_TP03																						6.20	6.32	8.00	6.32	6.05		5.50	6.16	98/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
70	DH61702833	Trương Huỳnh Thị Mai	Trinh	D17_TP03																						5.85	6.60	7.80	6.27	6.58		5.96	6.49	105/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
71	DH61702163	Nguyễn Thanh	Tuấn	D17_TP03																						6.45	6.32		6.27	5.58		5.04	5.97	94/108	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
72	DH61704470	Dương Thị	Tuyền	D17_TP03																						5.80	6.88	6.00	6.18	5.95		5.77	6.23	104/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
73	DH61702253	Nguyễn Thanh	Vinh	D17_TP03																						5.15	4.04		4.16	4.92	3.00	5.15	4.96	70/108	34/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
74	DH61704564	Nguyễn Thị Thảo	Xuyên	D17_TP03																						6.85	7.28	8.00	6.36	6.16		6.32	6.69	103/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
75	DH61703082	Nguyễn Diệu	Anh	D17_TP04																						7.75	7.40		7.09	6.19		6.59	7.08	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
76	DH61703111	Nguyễn Hồng	Ân	D17_TP04																						7.65	7.60		6.82	7.42		5.95	7.08	106/108	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
77	DH61601540	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	D17_TP04																			5.25	3.53	0.00	1.00			3.27	4.82	2.62	5.00	3.96	65/108	31/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
78	DH61703274	Nguyễn Thị Thùy	Dương	D17_TP04																						6.05	6.32	8.00	5.68	5.79		5.83	6.23	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
79	DH61703344	Nguyễn Ngọc	Hà	D17_TP04																						5.85	6.76	6.00	5.55	5.60		5.66	6.10	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
80	DH61703379	Phạm Thị	Hiền	D17_TP04																						5.20	5.04		4.96	4.95	4.63	4.97	5.21	78/108	36/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
81	DH61703416	Vũ Đặng Xuân	Hồng	D17_TP04																						6.00	6.08	9.00	5.82	5.63		4.88	5.93	96/108	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
82	DH61703789	Võ Thị Thanh	Ngân	D17_TP04																						7.35	7.20		5.86	6.05		5.16	6.44	102/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
83	DH61701721	Nguyễn Trần Xuân	Nghi	D17_TP04																						5.65	6.72	8.00	6.14	6.26		5.77	6.33	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
84	DH61703829	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	D17_TP04																						5.45	6.00	4.00	6.36	5.68		4.97	5.86	92/108	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
85	DH61703855	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	D17_TP04																						5.20	5.52		4.86	4.74	6.00	5.38	5.33	91/108	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
86	DH61703895	Nguyễn Thị	Nhung	D17_TP04																						5.90	4.84	5.00	4.28	5.50		4.68	5.29	78/108	36/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
87	DH61703905	Ngô Thị Tố	Như	D17_TP04																						6.15	3.84	4.00	5.77	5.00	5.00	5.28	5.52	91/108	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
88	DH61703907	Nguyễn Ngọc Thảo	Như	D17_TP04																						7.20	7.12		6.64	7.00		5.41	6.67	103/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
89	DH61703913	Võ Thị Huỳnh	Như	D17_TP04																						6.15	7.48	9.00	6.59	6.63		5.59	6.61	100/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
90	DH61704849	Hồng Bình	Phong	D17_TP04																						7.70	7.80		7.68	7.58		5.50	7.25	101/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
91	DH61704042	Lê Thị Bích	Quyền	D17_TP04																						5.55	6.68		6.04	5.47		5.72	6.17	100/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
92	DH61700525	Nguyễn Trường	Sơn	D17_TP04																						4.05	4.24	2.71	4.55	3.57		3.71	4.26	53/108	28/46	CCHV_2	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH17
93	DH61704108	Tô Ngọc	Thế	D17_TP04																						7.75	7.96		7.50	6.95		6.36	7.32	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
94	DH61704255	Trần Anh	Thư	D17_TP04																						6.85	7.60	7.00	6.95	7.05		5.86	6.96	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
95	DH61600074	Huỳnh Thị Anh	Thy	D17_TP04																			5.00	5.63		4.32	3.52	4.29		3.67	4.57	3.83	4.60	60/108	31/46	CCHV_3	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH16
96	DH61704341	Cao Bích	Trâm	D17_TP04																						6.20	6.44	6.00	6.27	5.74		5.36	6.10	99/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
97	DH61704882	Nguyễn Ngọc Mai	Trâm	D17_TP04																						5.90	7.00	5.00	6.27	5.32		5.40	6.09	100/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
98	DH61704348	Trịnh Ngọc	Trâm	D17_TP04																						6.45	4.12		5.91	5.42	5.50	4.28	5.54	85/108	39/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
99	DH61704355	Huỳnh Thị Huyền	Trân	D17_TP04																						6.70	7.08		6.73	6.84		5.88	6.70	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
100	DH61704411	Nguyễn Thị Bích	Trưng	D17_TP04																						5.80	6.24	8.00	5.82	5.68		5.17	5.97	103/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
101	DH61704428	Lâm Tinh	Tú	D17_TP04																						6.20	6.88	9.00	7.41	7.05		6.86	7.11	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
102	DH61700105	Huỳnh Hồng	Tươi	D17_TP04																						6.80	8.24	10.00	6.55	7.05		6.46	7.27	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
103	DH61704513	Phạm Thị	Vân	D17_TP04																						4.45	5.16	5.57	5.04	4.91		4.89	5.21	85/108	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
104	DH61702823	Đặng Trương Anh	Vũ	D17_TP04																						6.15	6.76		7.14	6.05		6.05	6.45	102/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
105	DH61704559	Nguyễn Thị Thảo	Vy	D17_TP04																						6.55	6.60		6.00	5.71		5.56	6.18	102/108	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
106	DH61704568	Hồ Như	ý	D17_TP04																						7.45	8.08	10.00	6.73	7.21		6.64	7.41	108/108	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
107	DH61704569	Nguyễn Thị Như	ý	D17_TP04																						6.25	6.04	5.00	5.64	6.37		5.79	6.15	98/108	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17

Lưu ý:
- Điểm trung bình được tính đến ngày 02/04/2020 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).
- Phòng Đào tạo nhận đơn (trực tiếp hoặc qua email: pdaotao.stu@gmail.com) và giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Hai, ngày 06/04/2020 đến hết Thứ Năm, ngày 09/04/2020.
- Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C28): - Điểm trung bình học kỳ
- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:
101 năm học 2010 - 2011 học kỳ 1
102 năm học 2010 - 2011 học kỳ 2
103 năm học 2010 - 2011 học kỳ hè
111 năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy
Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện
Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

Qui ước:
[1] NoHP: Nợ học phí
[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học
[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
[4] BTH: Buộc thôi học
[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
[7] DC: Đình chỉ học tập
[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[*] Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 06 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**